

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2023/DS-PT
Ngày: 14-3-2023
V/v tranh chấp: “*Hợp đồng tặng
cho tài sản và đòi tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thanh Nhàn**

Ông Nguyễn Thanh Triều

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đoàn Quốc Nam** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Võ Trung Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 455/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp “*Hợp đồng tặng cho tài sản và đòi tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 388/2022/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 449/2022/QĐPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1965

Bà Lê Thị Kim Đ, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn: Bà **Bùi Mai T**, sinh năm 1992.
(có mặt)

Địa chỉ: 42/6, N, Phường 15, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền số 1701 ngày 15/02/2023).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Ông **Phạm Tuấn A** - Luật sư, Công ty Luật TNHH MTV BNC và Cộng sự, thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: 7.03, tầng 8, Lô A, chung cư cao tầng và dịch vụ thương mại Bình Trị Đông B, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh

Bà **Nguyễn Thị Y**, sinh năm 1970;

Chị **Lê Ngọc Diễm H**, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: Ấp Bình Phú, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

** Người đại diện theo ủy quyền:*

1. Chị **Lê Thị Cẩm T**, sinh năm 1997. (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Bình T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Theo giấy ủy quyền ngày 16/07/2022).

2. Chị **Dương Thị Mỹ L**, sinh năm 1988. (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Hội Gia, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (Theo giấy ủy quyền ngày 16/07/2022).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh **Nguyễn Thành Trung**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Bùi Mai T**, sinh năm 1992. (có mặt)

Địa chỉ: 42/6, N, Phường 15, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền số 1701 ngày 15/02/2023).

** Người kháng cáo:* Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1965; Bà **Lê Thị Kim Đ**, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 14/06/2022 và ngày 10/08/2022 của nguyên đơn là chị Nguyễn Văn H bà Lê Thị Kim Đ và trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Ngọc Cẩm là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Do qua mai mối anh Nguyễn Thành Trung đã tìm hiểu chị Lê Ngọc Diễm H nên hai bên gia đình thống nhất tổ chức lễ hỏi và lễ cưới cho anh chị. Vào ngày 27/10/2019 lễ hỏi diễn ra tại nhà ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Y là ba mẹ ruột của chị H, phía nhà trai là ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị Kim Đ là ba mẹ của anh Trung đã trao quà sinh lễ cho cô dâu và nhà gái bao gồm:

Về nữ trang hột xoàn: 01 đôi bông hột xoàn, mỗi hột có size là 4ly5, giá trị đôi bông là 62.826.000 đồng, theo biên nhận ngày 19/10/2019 (bản photo); 01 chiếc nhẫn cà rá hột xoàn size 4ly5, có dạng giác cóc, giá trị 73.796.000 đồng, theo biên nhận ngày 19/10/2019 (bản photo); 01 chiếc nhẫn cà rá hột xoàn size 4ly5, có dạng giác cóc, giá trị 35.228.000 đồng, theo biên nhận ngày 19/10/2019 (bản photo). Các nữ trang này mua tại Công ty TNHH vàng đá quý Hồng Phúc.

Số nữ trang vàng 24K: 01 sợi dây chuyền chuỗi; 01 sợi dây chuyền đúc vàng; 01 cây kiềng cổ; 01 đôi lắc dây đúc; 01 đôi lắc kiểu; 02 chiếc vòng tròn tay; 02 chiếc nhẫn vàng hình bông mai. Tổng trọng lượng số nữ trang nêu trên là 5 lượng 09 chỉ 92 phân, có giá trị là 257.620.000 đồng được mua tại tiệm Thanh Thủy 2 theo hóa đơn ngày 28/09/2019.

Về tiền mặt: Ông H bà Đ trao tiền nước cho nhà gái là 100.000.000 đồng để làm tiệc đãi nhà trai và số tiền 200.000.000 đồng cho cô H để sắm quần áo cưới.

Đến ngày 05/01/2020 là ngày cưới nhà trai tặng cho cô dâu 01 chiếc nhẫn cưới vàng có đính kim cương giá trị 8.800.000 đồng (có hóa đơn), chiếc nhẫn này được mua tại cửa hàng Thế giới kim cương Sai Gòn Centre.

Tổng giá trị các nữ trang cưới hỏi và tiền mặt là 738.264.000 đồng.

Nay ông H bà Đ yêu cầu ông T bà Y, chị H trả lại cho vợ chồng ông bà như sau:

- Buộc ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Y trả lại 100.000.000 đồng là tiền nước và yêu cầu trả lãi 26.880.000 đồng (tính từ ngày 06/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 14/09/2022 với lãi suất 10%/năm). Tổng cộng hai khoảng 126.880.000 đồng.

- Buộc ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Y trả lại 200.000.000 đồng tiền nạp tài tức là tiền mua quần áo cưới cho cô dâu và trả lãi 53.776.000 đồng (tính từ ngày 06/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 14/09/2022 với lãi suất 10%/ năm). Tổng cộng hai khoảng 253.776.000 đồng.

- Buộc ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Y, Lê Ngọc Diễm H trả lại toàn bộ trang sức đã trao vào ngày đám hỏi và đám cưới đã nêu ở trên. Nếu không trả được bằng hiện vật thì yêu cầu trả bằng tiền theo thời giá mà Hội đồng tiến hành xét xử sơ thẩm. Giá trị tạm tính của toàn bộ trang sức cưới hỏi là 438.264.000 đồng.

Lý do đòi tất cả số nữ trang và tiền là vì cô H không chịu về làm dâu làm vợ.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn là chị Lê Ngọc Diễm H, yêu cầu vợ chồng ông H bà Đ, anh Trung liên đới trả lại số tiền 2.500.000.000 đồng, vợ chồng ông H bà Đ không đồng ý trả lại. Bởi vì tại lễ hỏi ông H bà Đ có tặng cho cô dâu chú rể cuốn sổ tiết kiệm có kỳ hạn với số tiền 1.000.000.000 đồng phát hành vào ngày 25/10/2019. Ngày cưới tặng cho thêm cuốn sổ tiết kiệm không kỳ hạn 4.000.000.000 đồng phát hành ngày 03/01/2020. Hai cuốn sổ này được mở tại Ngân hàng Vietinbank đều do cô H đứng tên. Sau tổ chức lễ hỏi, H và Trung xin vợ chồng ông H bà Đ mua xe để vận chuyển hàng hóa, vì vậy H đã rút 810.000.000 đồng trong sổ tiết kiệm 1.000.000.000 đồng để mua xe và nhờ ông H đứng tên giấy tờ xe biển số 63C.149.30, số tiền còn lại 190.000.000 đồng H đưa lại cho vợ chồng ông H bà Đ giữ. Hiện nay chiếc xe này ông H đã bán cho người khác do xe

không đủ trọng tải để chở gạo, số tiền bán xe anh Trung giữ. Đối với số tiền 4.000.000.000 đồng vợ chồng Trung đã rút ra làm ăn mua hàng hóa, vợ chồng ông H bà Đ không biết. Hiện tại tổng số tiền trên anh Trung đang giữ để kinh doanh. Mục đích ông H bà Đ cho vợ chồng Trung để có vốn làm ăn và với điều kiện khi nào H về làm dâu làm vợ mới được hưởng số tiền này. Do chị H sau khi cưới xong bỏ về nhà cha mẹ ruột không có làm vợ làm dâu nên không được hưởng số tiền này.

** Tại bản tự khai ngày 18/07/2022 và ngày 22/08/2022 của bị đơn ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Y và trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị Cẩm T và chị Dương Thị Mỹ L là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Qua mai mối vợ chồng ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Y có đồng ý gả con gái tên Lê Ngọc Diễm H cho anh Nguyễn Thành Trung là con trai của ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Kim Đ theo ghi thức truyền thống nH chưa đăng ký kết hôn. Ngày 27/10/2019 là ngày tổ chức lễ đính hôn và ngày 05/01/2020 tổ chức lễ cưới. Trước mặt hai họ ông H bà Đ tuyên bố tặng riêng cho H gồm các tài sản như sau:

Về số nữ trang trong lễ đính hôn và lễ cưới thống nhất với lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

Số tiền 100.000.000 đồng nhà trai đề xuất tặng cho nhà gái để phụ tiệc đãi khách cho của hai họ, nH vợ chồng ông T, bà Y từ chối nhận, do đó bà Đ tặng cho cô dâu và giao số tiền này cho H tại lễ đính hôn. Chị H đã dùng số tiền này trả một phần chi phí bữa tiệc đính hôn, còn lại do vợ chồng ông T bà Y thanh toán.

Về số tiền 200.000.000 đồng tiền nạp tài, đây là tiền vợ chồng ông H bà Đ cho cô dâu tại lễ đính hôn, mục đích mua sắm váy cưới, trang điểm, thuê đồ cho chú rể. Số tiền này H đã sử dụng đúng mục đích.

Nay ông T, bà Y không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì ông bà không có nhận số tiền nào của nguyên đơn, còn số nữ trang là tặng riêng cho cô dâu.

Đối với yêu cầu phản tố của chị H về số tiền 5.000.000.000 đồng yêu cầu ông H bà Đ và anh Trung trả lại. Đây là số tài sản của ông H bà Đ đã tặng riêng cho con gái của ông bà. Nay số tiền này vợ chồng ông H bà Đ đã hỏi mượn lại để mua xe tải và trả nợ. Ông T bà Y thống nhất với ý kiến của chị H, không có ý kiến gì thêm.

** Tại bản tự khai ngày 18/07/2022 và ngày 22/08/2022 của bị đơn chị Lê Ngọc Diễm H và trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị Cẩm T và chị Dương Thị Mỹ L là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Chị H và anh Trung kết hôn nhân với nhau là do qua mai mối, vào ngày 27/10/2019 cha mẹ hai bên tổ chức lễ đính hôn, trước mặt hai họ cha mẹ chồng có tặng cho riêng chị số nữ trang nêu trên cùng với số tiền 100.000.000 đồng để phụ tiền trà nước và 200.000.000 đồng là tiền cho cô dâu sắm quần áo mới về nhà chồng. Ngoài ra còn tặng cho chị H số tiết kiệm 1.000.000.000 đồng được mở tại Ngân hàng Viettinbank do chị H đứng tên chủ sở hữu.

Vào ngày 05/01/2022 là ngày tổ chức đám cưới, trước mặt mọi người anh Trung có tặng cho chị H 01 chiếc nhẫn kim cương giá trị là 8.800.000 đồng và cha mẹ chồng tặng cho chị thêm 01 cuốn sổ tiết kiệm với số tiền là 4.000.000.000 đồng được mở tại Ngân hàng Vietinbank cũng do chị H đứng tên.

Nay cha mẹ chồng là ông H bà Đ yêu cầu chị H trả tất cả số nữ trang cùng số tiền 300.000.000 đồng là tiền trà nước và tiền nạp tài, chị H không đồng ý. Vì chị H và anh Trung đã tổ chức lễ hỏi, lễ cưới đúng theo phong tục tập quán và số nữ trang này trước mặt hai họ đã tặng cho riêng chị H kể cả các sổ tiết kiệm điều ghi tên Lê Ngọc Diễm H.

Đối với yêu cầu phản tố số tiền 5.000.000.000 đồng, chị H yêu cầu ông H, bà Đ, anh Trung phải liên đới cùng nhau trả lại cho chị. Chị H tự nguyện chia lại cho anh Trung 2.500.000.000 đồng. Lý do yêu cầu trả lại, vì số tiền 4.000.000.000 đồng anh Trung kêu rút ra để lấy vốn làm ăn, số tiền này anh Trung giữ. Số tiền 190.000.000 đồng bà Đ nhận và chiếc xe trị giá 810.000.000 đồng do ông H đứng tên.

** Tại phiên hòa giải ngày 18/7/2022 bản tự khai ngày 10/8/2022 của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Thành Trung và trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Ngọc Cẩm là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Thông qua mai mối, cha mẹ anh là ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Kim Đ có đi hỏi cưới vợ cho anh là chị Lê Ngọc Diễm H. Trong ngày lễ đính hôn là ngày 27/10/2019 và lễ cưới ngày 05/01/2020, cha mẹ anh có tặng cho vợ chồng anh số nữ trang và tiền như đã nêu ở trên. Sau lễ hỏi anh và chị H bàn bạc rút tiền trong số tiết kiệm 1.000.000.000 đồng ra để mua xe tải chở phân bón (do H kinh doanh phân bón) với giá là 810.000.000 đồng và nhờ cha là ông Nguyễn Văn Đ đứng tên xe, biển số xe 63C149.30. Số tiền còn lại 190.000.000 đồng sau khi đám cưới xong vào ngày 20 tháng chạp âm lịch thì H và bà Y là mẹ ruột đến nhà máy xay lúa của bà Đ (mẹ anh Trung) để trả lại cho bà Đ.

Đối với số tiền 4.000.000.000 đồng vợ chồng anh Trung bàn bạc lấy ra để kinh doanh lúa gạo, số tiền này anh Trung là người trực tiếp nhận.

Nay anh Trung đồng ý với yêu cầu khởi kiện của cha mẹ là ông H bà Đ, yêu cầu chị H trả lại tất cả số nữ trang vàng cưới và số tiền 300.000.000 đồng cùng với tiền lãi. Đối với yêu cầu phản tố của chị H yêu cầu trả lại 5.000.000.000 đồng và tự nguyện chia lại cho anh Trung 2.500.000.000 đồng anh không đồng ý. Bởi khi cưới chị H mục đích cha mẹ cho tài sản chung vợ chồng để làm ăn với điều kiện chị H phải về bên gia đình chồng làm dâu và làm vợ, trong khi đó chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột từ khi cưới cho đến nay.

** Tại bản tự khai ngày 06/09/2022 của bà Nguyễn Thị Em, Huỳnh Thị Tuyền, Thái Thị Chính, Trương Thiện Tâm là những người làm chứng trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Em, Huỳnh Thị Tuyền, Thái Thị Chính, Trương Thiện Tâm là hàng xóm của gia đình ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Y. Các ông bà được vợ chồng ông T bà Y mời tham dự lễ hỏi vào tháng 10/2019 và lễ cưới vào tháng 01/2020. Trong lễ đính hôn và lễ kết hôn có chứng kiến nhà trai tuyên bố tặng cho cô dâu một số sính lễ theo phong tục không có điều kiện kèm theo, cụ thể: nhẫn,

bông tai, dây chuyền, vòng (không rõ trọng lượng bao nhiêu), một sổ tiết kiệm 1.000.000.000 đồng và một sổ tiết kiệm 4.000.000.000 đồng. Ngoài ra còn có 100.000.000 đồng tiền phụ mâm cỗ, 200.000.000 đồng tiền cho cô dâu sắm trang phục áo cưới mới để về nhà chồng. Số tiền và nữ trang nêu trên hiện nay ai đang quản lý không biết. Anh Trung và chị H đã chấm dứt quan hệ hôn nhân.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 388/2022/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào các Điều 3, Điều 5, Điều 457, điểm c khoản 1 Điều 165, Điều 166 Bộ luật dân sự; Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Đ về việc yêu cầu vợ chồng ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Y trả lại các khoản tiền sau:

- Tiền trả nước 100.000.000 đồng và tiền lãi 26.880.000 đồng;
- Tiền nạp tài 200.000.000 đồng và tiền lãi 53.776.000 đồng.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Đ, về việc yêu cầu vợ chồng ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Y, Lê Ngọc Diễm H trả lại toàn bộ trang sức đã trao vào ngày lễ đính hôn và lễ thành hôn thành tiền là 438.264.000 đồng.

3/ Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Lê Ngọc Diễm H.

- Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Đ có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho chị Lê Ngọc Diễm H 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc anh Nguyễn Thành Trung phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Lê Ngọc Diễm H 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 26/9/2022, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Kim Đ có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 388/2022/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu tòa cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông bà và bác yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tổ tụng việc tuân theo pháp luật tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện ủy quyền của nguyên đơn và đại diện ủy quyền của bị đơn thống nhất thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của các bị đơn, lời trình bày của các đương sự, Luật sư và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị Kim Đ thực hiện đúng qui định theo Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo đúng qui định Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng tặng cho tài sản và đòi tài sản” theo qui định tại Điều 457 Bộ luật dân sự năm 2015 là đúng qui định.

Xét tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

Ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị Kim Đ và anh Nguyễn Thành Trung đồng ý giao cho chị Lê Ngọc Diễm H được quyền quản lý, sở hữu số tiền 300.000.000 đồng và toàn bộ số nữ trang vàng cưới trị giá 438.264.000 đồng gồm: 01 đôi bông hột xoàn; 02 nhẫn hột xoàn size 4ly5 hình giác cóc; 01 sợi dây chuyền chuỗi; 01 sợi dây chuyền đúc vàng; 01 kiềng cổ; 01 cặp lắc dây đúc; 01 đôi lắc kiểu; 02 vòng tròn tay; 02 nhẫn vàng hình bông mai (chị H đang quản lý số tiền và nữ trang vàng cưới).

Ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Y và chị Lê Ngọc Diễm H đồng ý giao cho ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị Kim Đ và anh Nguyễn Thành Trung được quản lý, sở hữu số tiền 5.000.000.000 đồng (ông H, bà Đ và anh Trung đang quản lý số tiền 5.000.000.000 đồng)

Xét thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp qui định pháp luật. Nên Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Sửa bản án sơ thẩm số 388/2022/DSST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị Kim Đ và anh Nguyễn Thành Trung đồng ý giao cho chị Lê Ngọc Diễm H được quyền quản lý, sở hữu số tiền 300.000.000 đồng và toàn bộ số nữ trang vàng cưới trị giá 438.264.000 đồng gồm: 01 đôi bông hột xoàn; 02 nhẫn hột xoàn size 4ly5 hình giác cóc; 01 sợi dây chuyền chuỗi; 01 sợi dây chuyền đúc vàng; 01 kiềng cổ; 01 cặp lắc dây đúc; 01 đôi lắc kiềng; 02 vòng tròn tay; 02 nhẫn vàng hình bông mai (chị H đang quản lý số tiền và nữ trang vàng cưới).

- Ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Y và chị Lê Ngọc Diễm H đồng ý giao cho ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị Kim Đ và anh Nguyễn Thành Trung được quyền quản lý, sở hữu số tiền 5.000.000.000 đồng (ông H, bà Đ và anh Trung đang quản lý số tiền 5.000.000.000 đồng)

3. **Án phí:** Ông H, bà Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông H, bà Đ đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0020915 ngày 26/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C và 16.766.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0020646 ngày 27/6/2022 nên được hoàn lại 16.466.000 đồng.

Chị Lê Ngọc Diễm H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0020835 ngày 26/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên được hoàn lại 40.700.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Nhàn

Nguyễn Thanh Triều

Nguyễn Thị Diệp Thúy